

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TRỰC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/NQ-HĐND

Trực Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
dự toán thu, chi ngân sách xã Trực Ninh năm 2026**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TRỰC NINH KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Trực Ninh về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã Trực Ninh năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách xã Trực Ninh năm 2026, như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 263.689.000.000 đồng.
- Dự toán thu ngân sách xã được điều hành là 162.919.000.000 đồng.
- Dự toán chi ngân sách xã là 162.919.000.000 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)


Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Trục Ninh khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tài chính Ninh Bình;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy viên BCH Đảng bộ xã;
- Thành viên UBND xã;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Các cơ quan có liên quan;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hữu



Biểu mẫu số 34

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Trục Ninh)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	162,919,000	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI		
B	CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC	162,919,000	
I	Chi đầu tư phát triển	37,452,000	
1	Chi đầu tư cho các dự án	37,452,000	
II	Chi thường xuyên	119,187,000	
	Trong đó		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	72,476,000	
2	Chi sự nghiệp Khoa học, Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	500,000	
3	Chi quốc phòng	816,000	
4	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội	1,267,000	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	3,177,000	
6	Chi văn hoá thông tin	370,000	
7	Chi phát thanh truyền hình	208,000	
8	Chi sự nghiệp thể thao	61,000	
9	Chi bảo vệ môi trường	3,113,000	
11	Chi các hoạt động kinh tế	2,678,000	
12	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	22,875,000	
13	Chi đảm bảo xã hội	11,053,000	
14	Chi thường xuyên khác	593,000	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
V	Dự phòng ngân sách	3,280,000	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
VII	Chi bổ sung mục tiêu	3,000,000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Trục Ninh)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	ƯTH năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	74,647,327	123,711,060	162,919,000	39,207,940	131.69
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1,244,000	4,153,221	32,135,000	27,981,779	773.74
-	Thu NSDP hưởng 100%	298,000	333,937	2,795,000	2,461,063	836.98
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	946,000	3,819,284	29,340,000	25,520,716	768.21
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	70,272,000	116,426,512	130,784,000	14,357,488	112.33
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	20,583,000	20,583,000	127,784,000	107,201,000	620.82
2	Thu bổ sung có mục tiêu	49,689,000	95,843,512	3,000,000	(92,843,512)	3.13
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	3,131,327	3,131,327		(3,131,327)	
B	TỔNG CHI NSDP	71,576,000	116,426,511	162,919,000	40,308,822	139.93
I	Tổng chi cân đối NSDP	71,576,000	116,426,511	159,919,000	40,308,822	137.36
1	Chi đầu tư phát triển (1)	60,000	26,072,116	37,452,000	11,379,884	143.65
2	Chi thường xuyên	71,078,000	89,916,395	119,187,000	29,270,605	132.55
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	-		-	-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	-		-	-	
5	Dự phòng ngân sách	438,000	438,000	3,280,000		748.86
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	Chi các chương trình mục tiêu			3,000,000	-	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-		-	-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		-	3,000,000		

IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau				-	-	
V	Hoàn trả khoản phát sinh ngoài niên độ ngân sách				-	-	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP						
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP						
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc						
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh						
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP						
I	Vay để bù đắp bội chi						
II	Vay để trả nợ gốc						

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Trục Ninh)

Đơn vị: nghìn đồng

T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	114,170,687	114,170,687	6,905,000	6,905,000	6.05	6.05
	Thu nội địa	114,170,687	114,170,687	6,905,000	6,905,000	6.05	6.05
	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)						
	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)	13,881	13,881				
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	790,977	790,977	1,130,000	1,130,000	142.86	142.86
	Thuế thu nhập cá nhân	1,094,869	1,094,869	1,480,000	1,480,000	135.18	135.18
	Thuế bảo vệ môi trường						
	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước</i>						
	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>						
	Lệ phí trước bạ	1,550,132	1,550,132	3,450,000	3,450,000	222.56	222.56
	Thu phí, lệ phí	83,980	83,980	170,000	170,000	202.43	202.43
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						

10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	196,715	196,715	100,000	100,000	50.83	50.83
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	172,711	172,711	50,000	50,000	28.95	28.95
12	Thu tiền sử dụng đất	110,017,465	110,017,465			0.00	0.00
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	113,452	113,452	440,000	440,000	387.83	387.83
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	106,505	106,505	85,000	85,000	79.81	79.81
	Thu huy động, đóng góp	30,000	30,000				
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Trục Ninh)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	71,516,000	162,919,000	91,403,000	227.81
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	21,827,000	159,919,000	138,092,000	732.67
I	Chi đầu tư phát triển (1)	60,000	37,452,000	37,392,000	62,420.00
1	Chi đầu tư cho các dự án	60,000	37,452,000		62,420.00
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			0	
3	Chi đầu tư phát triển khác			0	
II	Chi thường xuyên	21,329,000	119,187,000	97,858,000	558.80
	Trong đó:			0	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	248,000	72,476,000	72,228,000	29,224.19
2	Chi khoa học và công nghệ (2)		500,000	500,000	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			0	
V	Dự phòng ngân sách	438,000	3,280,000	2,842,000	748.86
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	49,689,000	3,000,000	-46,689,000	6.04
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			0	

	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	49,689,000	3,000,000	-46,689,000	6.04
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			0	
				0	